Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital
Digitally signed by Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304763613, CN=Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2022-03-18 18:05:22
Foxit Reader Version: 9.1.0

GLOBALMIND
CAPITAL

2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... Error! Bookmark not defined.
PHẦN MỞ ĐẦU 3
I. THÔNG TIN CHUNG 3
1. Thông tin khái quát 3
2. Ngành nghề kinh doanh 3
3. Quá trình hình thành và phát triển 3
4. Thông tin cổ phần, cổ đông, cổ phiếu 7
5. Định hướng phát triển 8
6. Các Công ty con, Công ty liên kết 8
7. Rủi ro và Quản trị rủi ro 9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 10
1. Tổng quan ngành chứng khoán Việt nam năm 2021 10
2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 11
3. Tổ chức và nhân sự 16
4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 18
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 18
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 20
1. Đánh giá tình hình hoạt động của GMC năm 2021 20
2. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát. 21
3. Các vấn đề khác 21
4. Kế hoạch năm 2022 22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 23
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY 26
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 29

PHẦN MỞ ĐẦU

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL (GMC)
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 10/02/2020 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.
Vốn điều lệ:	155.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi lăm tỷ đồng)
Vốn chủ sở hữu:	153.642.450.413 đồng *(Một trăm năm mươi ba tỷ sáu trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn bốn trăm mười ba đồng).*
Địa chỉ trụ sở chính:	62 Trần Huy Liệu, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
Số điện thoại:	(028) 71029898
Số fax:	(028) 39991198
Website:	www.globalmind.com.vn
Email	

2. Ngành nghề kinh doanh

- Giao dịch chứng khoán, Giao dịch Ký Quỹ, Dịch vụ ứng trước, Lưu ký chứng khoán, Tư vấn đầu tư.

3. Quá trình hình thành và phát triển

Năm	Sự kiện

2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hoàng gia được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005828. Do Sở kế hoạch & Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp	Vốn điều lệ ban đầu: 20.000.000.000 đồng
	UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 với ngành nghề kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, Lưu ký chứng khoán	
2007	Trở thành thành viên giao dịch của HSX và HNX	
2009		Tăng vốn điều lệ lên: 35.000.000.000 đồng
2010	Chuyển trụ sở chính về 15 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh HCM	
2016		Tăng vốn điều lệ lên: 55.000.000.000 đồng
2019	Đổi tên từ Công ty cổ phần chứng khoán Hoàng Gia (ROSE) thành Công ty cổ phần chứng khoán Globalmind Capital (GMC)	
	Chuyển trụ sở chính về 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	

		Tăng vốn điều lệ lên 155.000.000.000 đồng
2020	Công ty được cung cấp giao dịch chứng khoán trực tuyến Công ty được cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ chứng khoán	
2021	Công ty được cung cấp dịch vụ Tự doanh chứng khoán	
	Công ty được cấp Giấy phép điều chỉnh về việc Thay đổi địa chỉ công ty về Phường 11	

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh Công ty

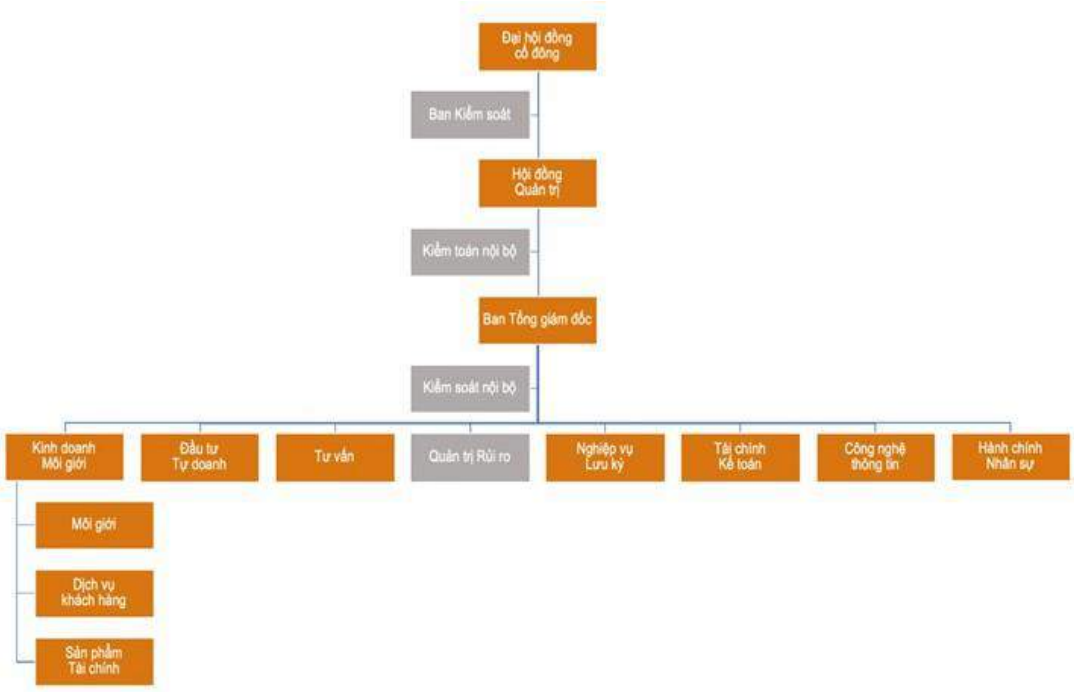

Hội Đồng Quản trị

Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017- 2022

Hội đồng quản trị	
Ông Lê Minh Quang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/11/2019)
Ông Nguyễn Tấn Phát	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02/12/2019)
Bà Trần Quế Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05/03/2020)

Ban Tổng giám đốc

Ông TIỀN VĨ DIỆP – TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày bổ nhiệm	27/09/2018
Tuổi	31 tuổi
Học vấn	Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng
Kinh nghiệm làm việc	
2018 – nay	Tổng Giám đốc, CTCP Chứng khoán Globalmind Capital
2013 – 2018	Chuyên viên Môi giới, CTCP Chứng Khoán Globalmind Capital
2012 – 2013	Chuyên viên Phân tích đầu tư tài chính, CTCP Đầu Tư Thành Thành Công
Số cổ phần nắm giữ: 0.	

Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN – PTGĐ KINH DOANH

Ngày bổ nhiệm	20/12/2018
Tuổi	45 tuổi
Học vấn	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh và Cử nhân Tài Chính Ngân Hàng
Kinh nghiệm làm việc	
2018 – nay	Phó Tổng Giám đốc Khối Kinh doanh, CTCP Chứng khoán Globalmind Capital
2015 – 2018	Giám Đốc FI, CTCP Chứng Khoán VNDirect

2013 – 2015	Giám Đốc Vận Hành Nguồn Vốn, Ngân hàng Techcombank
2012 – 2013	Giám Đốc Nguồn Vốn, Ngân hàng OCB
2010 - 2012	Trưởng Phòng Nguồn vốn Baoviet Bank
2007 – 2010	Trưởng Phòng Nguồn vốn Công ty Chứng khoán Quốc Tế Việt nam (VIS)
2003 – 2007	Chuyên viên cao cấp Nguồn vốn Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB)
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.	

Bà HỒ THỊ KIỀU – KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày bổ nhiệm	13/07/2020
Tuổi	35 tuổi
Học vấn	Cử nhân Kế toán và Luật học
Kinh nghiệm làm việc	
07/2020 – nay	Kế toán trưởng, CTCP Chứng khoán Globalmind Capital
2013 – 2017	Kế toán trưởng, CTCP Chứng khoán Viet Nam Gateway
Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần	

5. Thông tin cổ phần, cổ đông, cổ phiếu

Thông tin cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital

Tổng số cổ phần	15.500.000 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng/ cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành	15.500.000 cổ phần
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Không có
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	15.500.000 cổ phần

Cơ cấu cổ

Số liệu đến thời điểm 31/12/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu vốn/Vốn điều lệ
1	**Cổ đông lớn**		
	Trong nước	3.487.500	22.50%
	Ngoài nước		
2	**Cổ phiếu quỹ**		
3	**Cổ đông khác**		
	Trong nước	12.012.500	77.50%
	Ngoài nước		

Số lượng cổ phần theo Cổ đông lớn

STT	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu / Vốn điều lệ
01	Công ty Cổ phần UNIBEN	Số 32 VSIP II – A đường số 30, khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	3.487.500	22.50%

6. Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có

7. Định hướng phát triển

Năm 2021 là năm thị trường chứng khoán Việt nam bùng nổ mạnh mẽ, tuy nhiên GMC vẫn tiếp tục thận trọng trong các hoạt động đầu tư, lựa chọn danh mục chứng khoán cho vay; lựa chọn áp dụng các giải pháp bảo mật trong các giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư; công bố thông tin minh bạch tạo niềm tin cho khách hàng và cổ đông GMC; tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ dựa trên hai giá trị cốt lõi là nhân sự và phát triển công nghệ thông tin.

Về nhân sự: GMC vẫn chú trọng và coi yếu tố con người chính là nguồn lực cơ bản nhất, quan trọng nhất để cải tiến chất lượng sản phẩm, cải tiến hoạt động quản lý chất lượng. Trên cơ sở khai thác nguồn lực hiện có và các nguồn lực tiềm năng trong năm 2022,

yếu tố con người là động lực cơ bản để kiện toàn và gia tăng các nguồn lực khác. GMC sẽ nâng cao một bước đáng kể trình độ chất lượng của dịch vụ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước, nâng cao khả năng cạnh tranh và mang lại dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

Về hoạt động công nghệ thông tin: Không ngừng đầu tư nghiên cứu, tận dụng mọi thế mạnh công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao nhất. GMC tiến tới tiếp cận chuẩn mực mới, công nghệ mới (Big data, eKYC, Blockchain...) cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch và trở thành sự lựa chọn số một của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước

8. Rủi ro và Quản trị rủi ro

Nguyên tắc Quản trị rủi ro

- Quản trị rủi ro là một quá trình liên tục được vận hành xuyên suốt trong quá trình thực hiện các chiến lược của Công ty, nhằm cân bằng giữa các nguy cơ và cơ hội, tạo ra khuôn khổ giúp định hướng nâng cao tính hiệu quả của quyết định.
- Thiết lập vai trò và trách nhiệm phù hợp với khả năng của từng thành viên trong việc phân công công việc trong toàn Công ty là yếu tố rất quan trọng để đảm bảo quản lý rủi ro hiệu quả. Chiến lược quản trị rủi ro không chỉ ảnh hưởng đến các quy trình của công ty mà còn cả văn hóa của công ty. Chiến lược quản trị rủi ro được truyền tải rõ ràng cho các nhân viên nói chung và các cấp quản lý cấp cao để mọi người đều biết được tính cấp bách của vấn đề cũng như xác định được nhiệm vụ của mình trong chiến lược đó.
- Công ty luôn luôn cải tiến các qui trình, qui định phù hợp với thực tiễn và nhằm phát hiện ra những lỗ hổng trong từng khâu vận hành công ty nhằm đảm bảo sự rủi ro là tối thiểu nhất.

Rủi ro thị trường: là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi, ví dụ như sự giảm giá chứng khoán;

Rủi ro thanh toán: là rủi ro xảy ra khi đối tác kkhông thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết;

Rủi ro thanh khoản: là rủi ro xảy ra khi Công ty không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường;

Rủi ro hoạt động: là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác;

Rủi ro pháp lý: là rủi ro phát sinh từ việc không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh và từ việc hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, hoặc do các nguyên nhân khác.

Rủi ro nhân lực: Dù thu nhập tương đối ổn, nhu cầu tuyển dụng cao, nhưng tình trạng khát nhân sự chứng khoán trong thời điểm này rất lớn, trong khi thị trường chưa thực sự sáng sủa, nhiều nhà đầu tư quay lưng trong suốt thời gian dài. Mặt khác, nhiều cá nhân cho rằng, chứng khoán là nghề còn nhiều bấp bênh, vì vậy họ có xu hướng chuyển sang làm việc hoặc kinh doanh riêng. Đồng thời đặc thù của ngành, nguồn nhân lực trên TTCK luôn đòi hỏi có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, đạo đức kinh doanh. Sự ổn định về nguồn nhân lực chính là sức mạnh để Công ty cổ phần chứng khoán Globalmind capital được thực hiện mục tiêu đã đề ra, xác lập được vị thế của công ty trên thị trường.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Tổng quan ngành chứng khoán Việt nam năm 2021

Thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2021 đã phục hồi và có sự bứt phá mạnh mẽ, kéo dài xu hướng tăng trưởng trong dài hạn, mặc dù có những nhịp điều chỉnh do tác động của đại dịch, khi xuất hiện biến chủng virus Covid-19 mới Delta và Omicron.

Theo đó, chỉ số VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới, đỉnh cao nhất là vào ngày 25/11 khi VN-Index chạm mốc 1.500,81 điểm. Đây cũng là đỉnh cao trong lịch sử TTCK đến thời điểm này. Trước đó, ngay trong ngày đầu tiên của quý 2/2021, VN-Index đã chính thức vượt mốc 1.200 điểm - mốc kỷ lục được thiết lập từ 2018. Tính đến ngày 28/12/2021, VN-Index đạt 1.494,39 điểm, tăng 35,4% so với cuối năm 2020, nằm trong top thị trường đem đến tỷ suất sinh lời cao nhất trên thế giới.

Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về chỉ số, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu cũng tăng mạnh. Tính đến ngày 28/12, mức vốn hóa thị trường đạt 7.729.000 tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122,8% GDP.

Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch (ĐKGD) của thị trường tính đến cuối tháng 11 đạt 1.727.000 tỷ đồng, tăng 14,1% với cuối năm 2020 với 761 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở Giao dịch chứng khoán và 890 cổ phiếu ĐKGD trên UPCoM.

Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ và tăng mạnh nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt thị trường. Thanh khoản thị trường cổ phiếu đã gia tăng nhanh chóng và liên tục qua các tháng và đến tháng 11 đạt mức 40.117 tỷ đồng/phiên.

Tính chung từ đầu năm 2021, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 25.960 tỷ đồng/phiên. Thanh khoản tăng 250% so với năm 2020, ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục 2,3 tỷ USD, xếp thứ 2 trong Đông Nam Á.

Năm 2021, số lượng nhà đầu tư (NĐT) tham gia TTCK tăng mạnh đã góp phần đẩy thanh khoản thị trường lên hàng tỷ USD/phiên. Chỉ riêng trong 11 tháng của năm 2021, tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên con số 4,08 triệu tài khoản, tăng 47,3% so với cuối năm 2020.

Theo thống kê từ các công ty chứng khoán, năm 2021, người dân đã chuyển thêm hàng chục nghìn tỷ đồng (tương đương khoảng 3 tỷ USD) vào đầu tư chứng khoán. Đây là con số rất lớn, cho thấy sự quan tâm của các nhà đầu trong nước đối với thị trường cổ phiếu.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021
Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện	Tỷ đồng	40,85
Lãi trước thuế thực hiện	Tỷ đồng	26,49
Lãi trước thuế đã thực hiện/ Vốn điều lệ	%	17,09
Số tài khoản chứng khoán cơ sở	Tài khoản	2.118

Năm 2021, tổng doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện ghi nhận 40,85 tỷ đồng, đạt 403% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông 2020 đề ra. Lợi nhuận kế toán trước thuế đã thực hiện đạt 26,49 tỷ đồng đạt 844% kế hoạch đề ra. Trong đó:

- Mảng doanh thu từ môi giới chứng khoán tăng trưởng vượt bậc đạt 63% tương đương 0,85 tỷ đồng.
- Doanh thu từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ đạt 146% tương đương 0,46 tỷ đồng, chiếm 3,6% cơ cấu doanh thu hoạt động của Công ty.

KẾT QUẢ KINH DOANH QUA CÁC NĂM

Các chỉ số tài chính nổi bật

Đơn vị: đồng	2019	2020	2021
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Doanh thu hoạt động	14.920.834.852	7.278.599.726	40.626.134.790
Chi phí hoạt động	2.640.523.527	2.515.329.882	4.212.948.691
Doanh thu tài chính	127.814.011	98.253.540	230.348.525
Chi phí tài chính			108.132.119
Chi phí quản lý Công ty chứng khoán	10.309.781.717	10.247.368.264	10.010.013.738
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.098.343.619	(5.385.844.880)	26.525.388.767
Lợi nhuận từ hoạt động khác	(1.924.508.991)	1.918.875	(33.806.148)
Lợi nhuận trước thuế	173.834.628	(5.383.926.005)	26.491.582.619
Lợi nhuận sau thuế	173.834.628	(5.383.926.005)	22.625.009.974
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Tổng tài sản	137.577.802.916	131.217.946.471	158.637.364.408
Vốn điều lệ	155.000.000.000	155.000.000.000	155.000.000.000
Vốn của Chủ sở hữu	136.401.366.444	131.017.440.439	153.642.450.413
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	0,20	(4,01)	15,61
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	0,20	(4,03)	15,90
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13	(347)	1.460

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	2021	Tăng trưởng %
DOANH THU HOẠT ĐỘNG	**7,28**	**40,63**	**458**
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	0,00	32,86	749
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	-	1,46	
Doanh thu môi giới chứng khoán	0,74	2,19	197
Doanh thu bảo lãnh. đại lý phát hành chứng khoán	-	-	
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	-	
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	0,16	0,19	19
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính Thu nhập hoạt động khác	6,38	3,93	(38)
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	**2,52**	**4,21**	**67**
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	0,00	0,58	22,52
Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	-	-	
Chi phí hoạt động tự doanh	-	0,15	
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1,38	3,29	139
Chi phí nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	0,00	-	
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1,12	0,20	(82)
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	0,02	-	(100)
Chi phí các dịch vụ khác	-	-	
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	**0,10**	**0,23**	**134**
Doanh thu từ hoạt động tài chính	-	-	

Doanh thu. dự thu cổ tức. lãi tiền gửi không cố định	0,10	0,23	134
CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**10,25**	**10,01**	**(2)**
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	**(5,39)**	**26,53**	**593**
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	**0,00**	**(0,03)**	**1.862**
Thu nhập khác	0,00	-	
Chi phí khác	-	-	
TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	**(5,38)**	**26,49**	**592**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ CÁC KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Cơ cấu tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**116,58**	**146,25**
Tài sản tài chính	116,45	146,02
Tài sản ngắn hạn khác	0,13	0,23
TÀI SẢN DÀI HẠN	**14,64**	**12,39**
Tài sản tài chính dài hạn		
Tài sản cố định	11,47	9,97
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Tài sản dài hạn khác	3,17	2,42
Dự phòng suy giảm giá tài sản dài hạn		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**131,22**	**158,64**

Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	2021
NỢ PHẢI TRẢ	**0,20**	**4,99**

Nợ phải trả ngắn hạn	0,20	4,99
Nợ phải trả dài hạn		
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**131,02**	**153,64**
Vốn chủ sở hữu	131,02	153,64
Nguồn kinh phí và quỹ khác		
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**131,22**	**158,64**

Chỉ số tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	581	29
Hệ số thanh toán tức thời	Lần	7,7	24,6
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ tổng tài sản bình quân	%	0,15%	3,4%
Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu bình quân	%	0,15%	2,3%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân	Lần	0,05	0,29
Doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân	Lần	0,005	0,28
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	Lần	(0,74)	0,56
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân (ROA)	Lần	(4,01)	15,61
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	Lần	(4,03)	15,9

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về thanh toán hiện hành của công ty năm 2021 là 29 lần, nguồn vốn của công ty luôn đảm bảo khả năng thanh khoản sẵn sàng đáp ứng nhu cầu đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong cơ cấu vốn, hệ số nợ/ tổng tài sản bình quân và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu bình quân tăng so với năm ngoái, nợ chiếm 3,4% tổng giá trị tài sản bình quân của Công ty, nợ chiếm 2,3% vốn chủ sở hữu bình quân.

Chỉ tiêu về khả năng hoạt động

Các chỉ tiêu về doanh thu hoạt động/ Vốn chủ sở hữu bình quân và doanh thu hoạt động/ Tổng tài sản bình quân năm 2021 tăng so với năm 2020, nguyên nhân đến từ tốc độ tăng trưởng doanh thu lớn hơn tốc độ tăng trưởng tài sản và vốn chủ sở hữu

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời tăng mạnh trong năm 2021 do sự tăng trưởng của doanh thu lớn hơn sự tăng trưởng của chi phí cũng như vốn điều lệ, tài sản công ty.

3. Tổ chức và nhân sự

Đơn vị: Người

STT	Tiêu chí	2020	2021
I	**Trình độ theo lao động**		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	19	24
2	Trình độ Cao đẳng,trung cấp chuyên nghiệp		
3	Lao động phổ thông		
II	**Theo giới tính**		
1	Nam	9	11
2	Nữ	10	13
Tổng cộng		**19**	**24**

Chính sách lương thưởng

Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng Quy chế tiền lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Lương ngoài giờ: Công ty hỗ trợ và trả lương ngoài giờ theo đúng Bộ Luật lao động hiện hành và thỏa ước lao động tập thể. Chính sách thưởng: Hàng năm, Công ty tiến hành đánh giá, xếp loại lao động và có chế độ khen thưởng theo hình thức lương tháng thứ 13. Ngoài ra, căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh hàng năm Công ty thực hiện chính sách thưởng hiệu quả kinh doanh cho CBNV của Công ty theo năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của Công ty.

Chính sách phúc lợi xã hội

Công ty đảm bảo các chế độ cho người lao động theo quy định (BHXH, BHYT, v.v…). Hàng năm Công ty có chính sách khen thưởng trong các dịp lễ tết, tổ chức cho CBNV của Công ty tham quan, đồng thời có chính sách khen thưởng đối với nhân viên xuất sắc. Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi khác theo quy định của Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể của Công ty (hiếu hỉ, kết hôn, thăm hỏi ốm đau, sinh nhật CBNV,…).

Giáo dục và đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nguồn lực, nâng cao kiến thức trong từng đơn vị nghiệp vụ, liên tục đăng ký các khóa học chuyên nghành chứng khoán cũng như các khóa học quản lý cho cán bộ nhân viên.

Chính sách và hoạt động tuyển dụng

Nhân sự đóng một vai trò quan trọng mang tính quyết định đối với công ty. Đặc biệt với những vị trí then chốt của công ty. Thiếu họ thì hoạt động của công ty sẽ bị ngưng

trệ, giảm sút. Do đó, việc tuyển chọn nhân sự giỏi sẽ hỗ trợ công ty phát triển tốt hơn và đạt được những thành tựu mong ước. Đó cũng là lý do công ty khi tuyển dụng đều đưa ra những yêu cầu cụ thể với từng vị trí công nghiệp. Đồng thời luôn có những chế độ, chính sách đãi ngộ cho nhân viên cũng rất tốt để các nhân viên có thể phấn đấu hết mình với công ty. Mặt khác, Công ty cũng luôn tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu pháp luật về sử dụng lao động, thực hiện đúng các tiêu chuẩn giờ làm việc. Tuyển dụng lao động phù hợp với yêu cầu công việc và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Năng lượng và nước

Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital là một đơn vị kinh doanh Chứng khoán không sử dụng nhiều điện và nước trong việc vận hành hệ thống luôn ý thức được tầm quan trọng của 2 nguồn tài nguyên hữu hạn này đối với nhu cầu chung của xã hội. Chúng tôi luôn cố gắng kiểm soát và sử dụng tiết kiệm điện, nước, tạo dựng một văn hóa nội bộ hướng đến môi trường xanh, sạch, đẹp như một nỗ lực không ngừng nghỉ. Chúng tôi luôn luôn truyền thống tới toàn hệ thống như:

- Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng trước khi ra về
- Không mở cửa sổ, cửa ra vào khi đang bật điều hòa
- Vòi nước tự động tắt sau khi dùng.

b. Môi trường, kinh tế, xã hội:

- Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital hiểu rằng việc tham gia trực tiếp và tích cực của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường không chỉ có lợi cho sự bền vững lâu dài mà còn là nhu cầu cấp thiết trong việc kinh doanh; mang lại nhiều lợi ích cho chính doanh nghiệp. Việc bảo vệ môi trường sẽ giúp cho các doanh nghiệp vừa có môi trường làm việc an toàn, mang đến lợi ích về sức khỏe cho cán bộ công nhân viên, vừa thể hiện tốt trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp đối với cộng đồng, đáp ứng được thị hiếu của thị trường: tiêu dung ưu tiên các sản phẩm, dịch vụ từ các thương hiệu có hành động bảo vệ môi trường. Việc tuân thủ các luật định về môi trường, kinh tế, xã hội thể hiện trách nhiệm cơ bản của doanh

nghiệp đối với các tác động của mình. Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất

c. Giáo dục và đào tạo

- Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital thường xuyên chú trọng phúc lợi như lương, thưởng cho nhân viên. Ngoài ra, Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital đảm bảo việc đào tạo cho các cấp độ nhân viên và lãnh đạo khác nhau của mình bằng việc tổ chức các khóa đào tạo nội bộ và tham gia các khóa học chuyên ngành bên ngoài. Việc giáo dục và đào tạo nhân viên cũng góp phần giúp doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng lao động và dịch vụ khách hàng.

d. Hoạt động trách nhiệm xã hội

- Năm 2021 là một năm đại dịch covid-19 vẫn còn ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, toàn xã hội tập trung vào vấn để sức khỏe cộng đồng, người dân, Chính phủ, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp và các tổ chức phi lợi nhuận đều nỗ lực để giải quyết các vấn để thiết yếu nổi lên. Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital luôn luôn động viên cán bộ nhân viên, hỗ trợ thuốc phòng chống Covid 19 và cung cấp nhanh chóng bộ kit xét nghiệm tới từng cán bộ nhân viên.

e. Bảo mật thông tin khách hàng

- Đảm bảo bí mật thông tin khách hàng là một trong các vấn để mang tính "sống còn" trong kế hoạch phát triển kinh doanh của các doanh nghiệp. Việc rò rỉ thông tin khách hàng sẽ khiến các doanh nghiệp mất đi nhiều khách hàng tiềm năng, khách hàng trung thành mà họ đã phải mất một khoảng thời gian dài để xây dựng mối quan hệ ấy
- Việc xây dựng một hệ thống bảo mật thông tin trong nội bộ an toàn là lá chắn phòng thủ hiệu quả cho toàn bộ hoạt động của Công ty, vì vậy chúng tôi luôn thực hiện phương án:

- Xây dựng một hệ thống mạng nội bộ an toàn bằng cách thiết lập các chương trình, phần mềm hỗ trợ tính năng bảo mật cao, xây dựng các quy trình đảm bảo an toàn dữ liệu và Phòng CNTT luôn luôn rà soát và nâng cấp hệ thống.

- Có những quy chuẩn về cấu hình đối với từng thiết bị trước khi đưa vào sử dụng. Các quy chuẩn này có thể là các chính sách về mật khẩu, về tài khoản, về các dịch vụ hoặc cấu hình hệ thống v.v.
- Thực hiện các biện pháp nhằm đào đào tạo, nâng cao nhận thức của các nhân viên trong cơ quan về bảo mật dữ liệu trong công ty.
- Xây dựng các kịch bản, tài liệu về quy trình phản ứng khi xảy ra các sự cố bảo mật đối với hệ thống dữ liệu và thông tin khách hàng của doanh nghiệp

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá tình hình hoạt động của GMC năm 2021.

Hoạt động Kinh doanh dịch vụ chứng khoán

Trong bối cảnh đại dịch Covid 19 vẫn diễn ra khắp thế giới, ảnh hưởng nặng nề đến chuỗi cung ứng hàng hóa và nền kinh tế thế giới, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn tăng trưởng cả về điểm số và thanh khoản trong năm 2021, vượt xa kỳ vọng của hầu hết mọi người. Chỉ số VN Index tăng 35,73% (Đầu năm 1.103,87 cuối năm 1.498,28), chỉ số HNX Index tăng 133,15% (Đầu năm 203,12 cuối năm 473,99), giá trị giao dịch trung bình ngày đạt 26.661 tỷ VNĐ, tăng 258,6% so với cùng kỳ (7.434 tỷ VNĐ).

Trong năm vừa qua, công ty tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện các sản phẩm công nghệ hiện có đồng thời đã phát triển và ra mắt một số sản phẩm mới, đảm bảo vận hành hệ thống công nghệ ổn định phục vụ hiệu quả hoạt động kinh doanh. Về cơ bản, trong năm 2021, công ty vẫn giữ nguyên quy mô, cơ cấu, tổ chức, nhân sự và ổn định trong mọi hoạt động của mình.

Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính đã thực hiện năm 2021 đạt 40,85 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận trước thuế đã thực hiện cả năm 2021 đạt 26,49 tỷ đồng, tăng 592% so với thực hiện năm 2020.

Trong năm 2021, công ty đã mở mới 101 tài khoản giao dịch chứng khoán cơ sở. Số lượng tài khoản nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty thời điểm 31/12/2021 là 2.118 tài khoản chứng khoán cơ sở.

2. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát.

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc			
Họ và tên	**Chức vụ**		
Ông Lê Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Tấn Phát	Ủy viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Quế Trang	Ủy viên HĐQT	985.450.000	595.871.304
Ông Tiền Vĩ Diệp	Tổng giám đốc	541.604.347	412.391.304
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Phó Tổng giám đốc	871.945.652	796.956.522

Ban kiểm soát năm 2021 không nhận thù lao

3. Các vấn đề khác

Tổ chức nhân sự

Trong năm 2021, GMC đội ngũ nhân sự không có nhiều biến động, công ty giữ nguyên quy mô, bộ máy tổ chức. Tuyển dụng và bổ sung nhân sự nghiệp vụ Tự doanh và tăng cường nhân sự quản trị rủi ro do Công ty được bổ sung nghiệp vụ Tự doanh và giao dịch ký quỹ năm 2021.

Công nghệ

Để chuẩn bị hệ thống giao dịch đáp ứng theo nhu cầu của Khách hàng, GMC bổ sung nâng cấp thêm tính năng mở tài khoản trực tuyến eKYC nhằm giúp khách hàng mở nhanh tài khoản và giúp cho GMC giải quyết được thời gian xử lý mở tài khoản theo cách truyền thống trước đây.

Hệ thống nâng cấp và bảo trì đáp ứng được hệ thống KRX của HOSE.

Khác

Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, nhanh và chính xác;

Nộp các báo cáo định kỳ theo qui định đầy đủ với các cơ quản quản lý có thẩm quyền

Hoàn thiện, bổ sung quy trình quy định văn bản đầy đủ nhằm giảm thiểu rủi ro cho hệ thống.

4. Kế hoạch năm 2022:

Chiến lược phát triển công ty

Đại dịch vẫn đang diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu và Việt Nam, ảnh hưởng không nhỏ tới nhiều ngành kinh tế. Trước bối cảnh này, GMC cố gắng luôn phải có sự "xoay chuyển" liên tục trong định hướng chiến lược cũng như phương thức thực thi các chiến lược đó.

Năm 2022, GMC tiếp tục tập trung quản lý hướng đến tạo ra những giá trị ngắn hạn thông qua việc rà soát và đưa ra các giải pháp có thể thực hiện ngay để tăng hiệu quả hoạt động và tăng dòng tiền. Các giải pháp có thể bao gồm rà soát lại danh mục đầu tư, phân bổ lại nguồn lực đầu tư nhằm tối ưu hiệu quả, và tối ưu các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Bên cạnh đó, GMC tiếp tục xem xét lại cơ cấu sản phẩm, cơ cấu khách hàng, và chính sách sản phẩm cho vay giao dịch ký quỹ; rà soát lại công tác mua sắm và chi phí, tối ưu thuế và tối ưu vốn lưu động để mang lại hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

Năm 2022, với sự thay đổi cơ cấu cổ đông lớn, Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital có thêm nguồn vốn hỗ trợ cho chiến lược tái định vị, bao gồm cải tổ mô hình kinh doanh, xem xét lại mô hình tăng trưởng, đa dạng hóa sản phẩm tài chính, và cải tổ phương thức dịch vụ nhằm tương tác tốt và hiệu quả hơn với hành vi và nhu cầu khách hàng. Vì đây chính là nội dung cốt lõi trong giai đoạn "cải tổ chuyển đổi mô hình".

Kế hoạch nhân sự năm 2022:

Thay đổi cơ cấu nhân sự, quy mô theo mô hình mới để phù hợp với chiến lược kinh doanh

Nhân sự đầu năm 2022 là 24 nhân sự, dự kiến phát triển 70 – 100 nhân sự cuối năm 2022.

Công nghệ thông tin năm 2022

- Tập trung nâng cấp và hoàn thiện các sản phẩm dành cho khách hàng, cũng như các phần mềm phục vụ vận hành hoạt động của GMC.
- Thay đổi hệ thống giao dịch bằng App Mobile tiến tới công nghệ tự động hóa nhiều chức năng phục vụ khách hàng

- Nâng cấp hệ thống phần cứng đáp ứng được kết nối với hệ thống công nghệ mới của Sở GDCK
- Nghiên cứu chuyển đổi công nghệ để đảm bảo hệ thống vận hành an toàn với số lượng giao dịch lớn.

Kết luận : Trong năm 2021, công ty đã đạt được lợi nhuận trước thuế là 26.49 tỷ đồng Năm 2022, Công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh về con người và công nghệ, mở rộng phát triển khách hàng và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch.

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2021 và dự báo tình hình thị trường chứng khoán Việt nam năm 2022, Công ty cổ phần chứng khoán Globalmind Capital dự kiến đạt như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Năm 2022
I	Doanh thu hoạt động	40.626.134.790	78.066.960.000
1	Dịch vụ chứng khoán	2.374.701.391	5.240.000.000
2	Kinh doanh vốn		24.731.880.000
3	Đầu tư vốn chủ sở hữu	3.901.322.748	46.181.330.000
4	Doanh thu khác	34.350.110.651	1.913.750.000
II	Chi phí hoạt động kinh doanh	4.212.948.691	**15.000.000.000**
III	Chi phí quản lý	10.043.819.886	**15.000.000.000**
IV	Lợi nhuận trước thuế	26.491.582.619	48.000.000.000
V	Lợi nhuận sau thuế	22.625.009.974	38.400.000.000

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý

- HĐQT giám sát, hướng dẫn, chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo triển khai đúng và đầy đủ việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, đồng thời dành nhiều thời gian trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc để thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở thực hiện đúng Điều lệ, Quy chế và các quy định pháp luật có liên quan.

- Do thực hiện đúng quy trình, thủ tục nên việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành được thực hiện nhịp nhàng và hiệu quả. Do đó, việc điều hành kinh doanh của Ban Tổng giám đốc không bị cản trở, việc giám sát của Hội đồng quản trị được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty.
- Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế được cập nhật thường xuyên, Hội đồng quản trị tổ chức họp xem xét và yêu cầu triển khai công việc mới theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ra.
- Năm 2021, Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, theo đúng qui định của Luật. Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và đột xuất.
- Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày đều được tuân thủ theo quy trình quy định đã được ban hành. Các hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo tuân thủ theo các quy định của luật pháp hiện hành. Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, luôn chủ động các phương án thực hiện quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

Hội đồng quản trị thực hiện các công việc quản trị công ty theo đúng các quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital. Quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách rõ ràng và trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông của công ty.

Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị, kiểm toán nội bộ và Ban điều hành tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác luôn đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch , công khai và phối hợp cùng tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Về hoạt động của GMC

- Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước, nộp Báo cáo đúng hạn cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước và các Sở Giao Dịch, đảm bảo việc tuân thủ pháp luật liên quan đến chứng khoán.
- Đội ngũ nhân viên Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital đặt tiêu chí phục vụ khách hàng lên hàng đầu, tư vấn và quản lý danh mục khách hang dựa trên lợi ích và quyền lợi của nhà đầu tư, thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng chống các hành vi gian lận trong chứng khoán theo đúng qui định của cơ quan quản lý.
- Hội đồng quản trị luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong công tác định hướng, đưa ra các quyết định đúng và kịp thời nhằm đảm bảo mọi hoạt động kinh doanh của Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital hiệu quả và phù hợp với qui định pháp luật.
- Coi trọng việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, chú trọng việc đào tạo phát triển nghề nghiệp của đội ngũ nhân lực; tổ chức nhiều hoạt động tập thể phong phú nhằm gia tăng sự hiểu biết và tin tưởng lẫn nhau giữa các thành viên trong nội bộ Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital, làm tiền để cho sự phát triển bền vững của Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital.

4. Kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2022

- Năm 2022, khởi đầu với những hoạt động khởi sắc từ thị trường chứng khoán, đội ngũ Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital sẽ nắm bắt và tập trung khai thác cơ hội này để mở rộng hoạt động kinh doanh theo hướng cung cấp những nghiệp vụ tư vấn, môi giới chứng khoán cũng như nắm bắt cơ hội tự doanh chứng khoán.
- Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới liên quan tới trái phiếu và các công cụ có lãi suất cố định… để sẵn sàng triển khai khi điều kiện thị trường phù hợp. Với mảng Khách hàng Cá nhân, tăng cường tiếp cận các tổ chức và các công ty bảo hiểm, chủ động tăng chiều sâu hợp tác với các khách hàng tổ chức đang có, để không những có thể nâng quy mô tài sản ủy thác của khách hàng mà còn khai thác cơ hội bán chéo sản phẩm giữa hai bên để phát triển mạnh mẽ hơn.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo đảm bảo mật và an toàn thông tin trong bất kỳ tình huống nào. Phát triển đội ngũ đi đôi với việc tinh gọn, nâng cao hiệu quả, năng lực hoạt động của bộ máy.
- Theo đuổi việc quản trị Công ty công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội, hài hòa lợi ích của Công ty, Người lao động, Nhà đầu tư, Cổ đông và Cộng đồng. Tiếp tục hoàn thiện Bộ máy hoạt động, tuyển dụng nhân tài và nâng cao hình ảnh Công ty.
- Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc công việc quản trị công ty theo đúng các quy định về Quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty CP Chứng khoán Globalmind Capital. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực; tuân thủ các chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị; luôn hành động vì quyền lợi của công ty và các cổ đông của công ty. Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban điều hành trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tiếp tục duy trì hoạt động hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị, kiểm toán nội bộ và Ban điều hành tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị	
Ông Lê Minh Quang	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01/11/2019)
Ông Nguyễn Tấn Phát	Thành viên (bổ nhiệm ngày 02/12/2019)
Bà Trần Quế Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 05/03/2020)

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là Thành viên HĐQT	Số buổi họp HDQT Tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	01/11/2019	13/13	100%	
2	Bà Trần Quế Trang	Phó Chủ tịch HĐQT	05/03/2020	13/13	100%	
3	Ông Nguyễn Tấn Phát	Thành viên HĐQT	02/12/2019	13/13	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01A/2021/NQ-HĐQT	04/01/2021	Ban hành Quy trình ứng trước tiền bán chứng khoán
2	01/2021/NQ-HĐQT	28/01/2021	Ban hành Chính sách rủi ro năm 2021
3	02A/2021/QĐ-HĐQT	05/02/2021	Quyết định cử cán bộ nhân viên đi công tác
4	02/2021/NQ-HĐQT	25/02/2021	Ban hành chính sách Giao dịch ký quỹ
5	03/2021/NQ-HĐQT	29/03/2021	Vay vốn Ngân hàng
6	04/2021/NQ-HĐQT	05/04/2021	Về việc triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
7	04.1/2021/NQ-HĐQT	04/05/2021	Về việc phân bổ mức thù lao của HĐQT năm 2021
8	05A/2021/NQ-HĐQT	04/06/2021	Thành lập Hội đồng đầu tư và ban hành Quy chế đầu tư và tự doanh

9	05/2021/NQ-HĐQT	28/06/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2021
10	06/2021/NQ-HĐQT	30/06/2021	Xóa nợ đặt cọc văn phòng cũ tại 15 Pasteur, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1
11	07A/2021/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Miễn nhiệm kế toán trưởng Hồ Thị Kiều
12	07B/2021/QĐ-HĐQT	01/10/2021	Bổ nhiệm kế toán trưởng Trương Thị Quỳnh My
13	08/2021/NQ-HĐQT	01/10/2021	Ban hành Chính sách Môi giới dành cho Cộng tác viên
14	09/2021/NQ-HĐQT	01/11/2021	Điều chỉnh thu nhập, lương của Ban Tổng giám đốc
15	11/2021/NQ-HĐQT	16/12/2021	Xin cấp vay vốn Ngân hàng TMCP Nam Á
16	12/2021/NQ-HĐQT	29/12/2021	HĐQT quyết định về việc Tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản lần 1 năm 2022

3. Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán

Ban kiểm soát	
Bà Đặng Thị Mai Lan	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25/09/2019)
Ông Nguyễn Quốc Huân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/09/2019)
Ông Nguyễn Xuân Khôi	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25/09/2019)

- Hoạt động giám sát của Bộ phận kiểm toán nội bộ đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông Bộ phận kiểm toán nội bộ không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty cổ phần chứng khoán Globalmind Capital.
- Bộ phận kiểm toán nội bộ cho rằng các cán bộ quản lý của Công ty cổ phần chứng khoán Globalmind Capital đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện vì vậy kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận năm

2021 khá tốt so với hằng năm. Ban lãnh đạo Công ty cổ phần chứng khoán Globalmind Capital trong năm qua đã tiếp tục chỉ đạo thực hiện xây dựng và hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ tiện ích cho các nhà đầu tư, cung cấp cho khách hàng một hệ thống giao dịch thuận tiện và an toàn, nhanh chóng và chính xác, công bằng và minh bạch.

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông và cổ đông của Công ty về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình. Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cận trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Đồng thời, BKS có nhiệm vụ thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH : Đính kèm

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

GLOBALMIND CAPITAL

TỔNG GIÁM ĐỐC

S.G.P: 51 - C.T.C.K
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL
Q. PHÚ NHUẬN - T.P HỒ CHÍ MINH

Tiền Vĩ Diệp

GLOBALMIND
CAPITAL

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL

Headquarters: Lầu 2, tòa nhà Betrimex, 62 Trần Huy Liệu, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

(+84 28) 7102 9898
contact@globalmind.com.vn
www.globalmind.com.vn
(+84 28) 3999 1198

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GLOBALMIND CAPITAL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	5 - 6
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG	8 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10 - 11
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG	12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	14 - 32

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Quang Trung	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/01/2022)
Ông Hà Hoàng Dũng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/01/2022)
Ông Trần Tuấn Minh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 26/01/2022)
Ông Lê Minh Quang	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 26/01/2022)
Ông Nguyễn Tấn Phát	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/01/2022)
Bà Trần Quế Trang	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 26/01/2022)

Ban Tổng giám đốc

Ông Tiền Vĩ Diệp	Tổng giám đốc
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc,

Tiền Vĩ Diệp
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2022

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

*Số: **25** /2022/BCKT-AVI-TC1*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 03/03/2022 và được trình bày từ trang 04 đến trang 32 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT

Nguyễn Thương	**Trần Thị Trang**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0308-2018-055-1	Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2909-2020-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**146.251.334.444**	**116.580.488.783**
I.	**Tài sản tài chính**	**110**		**146.024.384.407**	**116.447.774.744**
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	122.921.093.051	1.534.856.081
1.1.	*Tiền*	*111.1*		*122.921.093.051*	*534.856.081*
1.2.	*Các khoản tương đương tiền*	*111.2*		-	*1.000.000.000*
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	12.633.200	7.212.200
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	100.376.027.397
4.	Các khoản cho vay	114	7.2	14.209.381.811	-
5.	Các khoản phải thu	117	8	11.264.609.483	3.793.627.142
5.1	*Phải thu bán các tài sản tài chính*	*117.1*		*11.005.000.000*	*2.500.000.000*
5.2	*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	*117.2*		*259.609.483*	*1.293.627.142*
5.2.1.	*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*	*117.4*		*259.609.483*	*1.293.627.142*
6.	Trả trước cho người bán	118	9	101.469.500	9.197.177.688
7.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	10	15.197.362	4.005.068.088
8.	Các khoản phải thu khác	122		-	33.806.148
9.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	11	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
II.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**130**		**226.950.037**	**132.714.039**
1.	Tạm ứng	131		111.742.864	37.786.952
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	12	114.644.329	94.671.427
3.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		562.844	255.660
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**12.386.029.964**	**14.637.457.688**
I.	**Tài sản cố định**	**220**		**9.969.373.528**	**11.467.898.166**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.762.636.844	4.442.063.152
	- Nguyên giá	*222*		*6.759.728.200*	*6.759.728.200*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223a*		*(2.997.091.356)*	*(2.317.665.048)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	14	6.206.736.684	7.025.835.014
	- Nguyên giá	*228*		*12.869.830.663*	*12.869.830.663*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229a*		*(6.663.093.979)*	*(5.843.995.649)*
II.	**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**	**240**		-	-
III.	**Tài sản dài hạn khác**	**250**		**2.416.656.436**	**3.169.559.522**
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	210.000.000	210.000.000
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	12	945.497.061	1.818.504.307
3.	Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	16	1.261.159.375	1.141.055.215
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**158.637.364.408**	**131.217.946.471**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B01 - CTCK

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**4.994.913.995**	**200.506.032**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**4.994.913.995**	**200.506.032**
1.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng	318	17	150.455.584	48.338.616
2.	Phải trả người bán ngắn hạn	320		40.770.932	33.520.451
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	18	4.316.555.103	51.117.965
4.	Phải trả người lao động	323		390.388.376	-
5.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		15.972.000	(728.000)
6.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	19	79.617.000	68.257.000
9.	Các khoản phải trả, phải nộp khác	329		1.155.000	-
II.	**Nợ phải trả dài hạn**	**340**		-	-
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**153.642.450.413**	**131.017.440.439**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**20**	**153.642.450.413**	**131.017.440.439**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		155.000.000.000	155.000.000.000
1.1.	*Vốn góp của chủ sở hữu*	*411.1*		*155.000.000.000*	*155.000.000.000*
	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411.1a*		*155.000.000.000*	*155.000.000.000*
2.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		(1.357.549.587)	(23.982.559.561)
2.1.	*Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện*	*417.1*		*(1.365.930.197)*	*(23.985.519.171)*
2.2.	*Lợi nhuận chưa thực hiện*	*417.2*		*8.380.610*	*2.959.610*
	TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	**440**		**158.637.364.408**	**131.217.946.471**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
				VND	VND
A.	**TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT**				
1.	Nợ khó đòi đã xử lý	004	21.1	6.936.323.322	6.902.517.174
2.	Cổ phiếu đang lưu hành	006		15.500.000	15.500.000
3.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21.2	3.650.000	3.160.000
B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**				
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	21.3	729.632.170.000	426.661.750.000
a.	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*	*021.1*		*317.139.150.000*	*103.047.600.000*
b.	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển*	*021.2*		*64.107.470.000*	*63.000.000*
c.	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*	*021.3*		*336.924.550.000*	*313.414.550.000*
d.	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*	*021.4*		*10.000.000.000*	*10.000.000.000*
e.	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*	*021.5*		*1.461.000.000*	*136.600.000*
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	21.4	1.166.950.000	8.750.250.000
a.	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*	*022.1*		*1.166.950.000*	*2.390.800.000*
b.	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*	*022.2*		-	*6.359.450.000*
3.	Tiền gửi của khách hàng	026	21.5	40.769.216.719	6.988.672.204
3.1.	*Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*027*		*40.769.216.719*	*6.988.672.204*
4.	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	21.6	40.769.216.719	6.988.672.204
4.1.	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*031.1*		*35.869.348.402*	*2.418.828.099*
4.2.	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*	*031.2*		*4.899.868.317*	*4.569.844.105*

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Ân	Hồ Thị Kiều	Tiền Vĩ Diệp

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**				
1.1.	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		32.861.721.270	4.384.420
a.	*Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*01.1*	*22*	*32.856.666.970*	-
b.	*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL*	*01.2*	*23*	*4.954.900*	*4.291.920*
c.	*Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*01.3*	*24*	*99.400*	*92.500*
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	2	24	3.901.322.748	6.338.218.254
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3	24	1.462.153.726	-
1.4.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6	25	2.187.761.089	736.682.784
1.5.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9	25	186.940.302	156.727.528
1.6	Thu nhập hoạt động khác	11	25	26.235.655	42.586.740
	Cộng doanh thu hoạt động	**20**		**40.626.134.790**	**7.278.599.726**
II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**				
2.1.	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		577.585.869	2.553.360
a.	*Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*21.1*	*22*	*578.051.969*	-
b.	*Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL*	*21.2*	*23*	*(466.100)*	*2.553.360*
2.2.	Chi phí hoạt động tự doanh	26	26	150.982.992	-
2.3.	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	26	3.285.279.987	1.375.893.252
2.4.	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29	26	-	1.732.500
2.5.	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	26	199.099.843	1.115.150.770
2.6.	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	26	-	20.000.000
	Cộng chi phí hoạt động	**40**		**4.212.948.691**	**2.515.329.882**
III.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
3.1.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	27	230.348.525	98.253.540
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	**50**		**230.348.525**	**98.253.540**
IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**				
4.1.	Chi phí lãi vay	52		108.132.119	-
	Cộng chi phí tài chính	**60**		**108.132.119**	**-**
V.	**CHI PHÍ BÁN HÀNG**	**61**		-	-
VI.	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**62**	**28**	**10.010.013.738**	**10.247.368.264**
VII.	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**	**70**		**26.525.388.767**	**(5.385.844.880)**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B02 - CTCK

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
VIII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**				
8.1.	Thu nhập khác	71		-	1.918.875
8.2.	Chi phí khác	72		33.806.148	-
	Cộng kết quả hoạt động khác	**80**		**(33.806.148)**	**1.918.875**
IX.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**	**90**		**26.491.582.619**	**(5.383.926.005)**
9.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	91		26.486.161.619	(5.385.664.565)
9.2.	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		5.421.000	1.738.560
X.	**CHI PHÍ THUẾ TNDN**	**100**		**3.866.572.645**	**-**
10.1.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	29	3.866.572.645	-
10.2.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI.	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**	**200**		**22.625.009.974**	**(5.383.926.005)**
XII.	**THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**	**300**			
	Tổng thu nhập toàn diện	**400**		**-**	**-**
XIII.	**THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**	**500**		**22.625.009.974**	**(5.383.926.005)**
13.1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	30	1.460	(347)

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Ân	Hồ Thị Kiều	Tiền Vĩ Diệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B03b - CTCK

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**			
1.	**Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp**	**01**	**26.491.582.619**	**(5.383.926.005)**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản:**	**02**	**1.116.698.749**	**145.312.192**
	- Khấu hao TSCĐ	03	1.498.524.638	1.537.192.874
	- Các khoản dự phòng	04	-	-
	(- Lãi) hoặc (+ lỗ) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện.	05	-	-
	- Chi phí lãi vay	06	108.132.119	-
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07	(230.348.525)	(98.253.540)
	- Dự thu tiền lãi	08	(259.609.483)	(1.293.627.142)
	- Các khoản điều chỉnh khác	09	-	
3.	**Tăng các chi phí phi tiền tệ**	**10**	**(466.100)**	**2.553.360**
	- Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11	(466.100)	2.553.360
4.	**Giảm các doanh thu phi tiền tệ**	**18**	**(4.954.900)**	**(4.291.920)**
	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19	(4.954.900)	(4.291.920)
	- Lãi khác	21	-	
5.	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**30**	**93.553.028.077**	**(9.565.804.283)**
	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	100.376.027.397	(2.876.027.397)
	- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33	(14.209.381.811)	-
	- Tăng (giảm) phải thu bán các tài sản tài chính	35	(8.505.000.000)	-
	- Tăng (giảm) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	1.293.627.142	2.010.326.608
	- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37	3.989.870.726	20.471.799
	- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39	33.806.148	39.989.000
	- Tăng (giảm) các tài sản khác	40	(194.367.256)	(143.763.567)
	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	11.360.000	(81.306.836)
	- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42	853.034.344	1.524.306.446
	- Lãi vay đã trả	44	(108.132.119)	-
	- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45	9.102.958.669	(9.751.656.281)
	- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	16.700.000	(728.000)
	- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47	398.864.493	(355.754.671)
	- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48	390.388.376	-
	- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50	103.271.968	48.338.616
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**60**	**121.155.888.445**	**(14.806.156.656)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B03b - CTCK

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**			
1.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	230.348.525	98.253.540
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**70**	**230.348.525**	**98.253.540**
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**			
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**80**	-	-
IV.	**Tăng/giảm tiền thuần trong năm**	**90**	**121.386.236.970**	**(14.707.903.116)**
V.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	**101**	**1.534.856.081**	**16.242.759.197**
	Tiền	101.1	534.856.081	5.242.759.197
	Các khoản tương đương tiền	101.2	1.000.000.000	11.000.000.000
VI.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**103**	**122.921.093.051**	**1.534.856.081**
	Tiền	103.1	122.921.093.051	534.856.081
	Các khoản tương đương tiền	103.2	-	1.000.000.000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**			
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	684.482.322.150	409.953.486.080
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(845.456.000.450)	(92.156.202.300)
3.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	515.949.878.764	84.227.288.400
4.	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(329.137.126.466)	(402.623.771.608)
5.	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(208.308.972)	(168.970.270)
6.	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	8.149.779.489	-
	Tăng/giảm tiền thuần trong năm	**20**	**33.780.544.515**	**(768.169.698)**
II.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**	**30**	**6.988.672.204**	**7.756.841.902**
	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	6.988.672.204	7.756.841.902
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	-	-
III.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**	**40**	**40.769.216.719**	**6.988.672.204**
	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	40.769.216.719	6.988.672.204

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Ân	Hồ Thị Kiều	Tiền Vĩ Diệp

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU SỐ B04 - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
			Năm 2020		Năm 2021			
	Tại 01/01/2020	Tại 01/01/2021	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tại 31/12/2020	Tại 31/12/2021
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	155.000.000.000	155.000.000.000	-	-	-	-	155.000.000.000	155.000.000.000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*155.000.000.000*	*155.000.000.000*	-	-	-	-	*155.000.000.000*	*155.000.000.000*
2. Lợi nhuận chưa phân phối	(18.598.633.556)	(23.982.559.561)	1.738.560	5.385.664.565	22.625.009.974	-	(23.982.559.561)	(1.357.549.587)
2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*(18.599.854.606)*	*(23.985.519.171)*	-	*5.385.664.565*	*22.619.588.974*	-	*(23.985.519.171)*	*(1.365.930.197)*
2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*1.221.050*	*2.959.610*	*1.738.560*	-	*5.421.000*	-	*2.959.610*	*8.380.610*
Tổng cộng	**136.401.366.444**	**131.017.440.439**	**1.738.560**	**5.385.664.565**	**22.625.009.974**	-	**131.017.440.439**	**153.642.450.413**

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Ân	Hồ Thị Kiều	Tiền Vĩ Diệp

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Globalmind Capital, là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 51/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 223/UBCK-GP ngày 26/03/2009;
- Giấy phép điều chỉnh số 354/UBCK-GP ngày 11/10/2010;
- Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 20/11/2014;
- Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK ngày 05/02/2015;
- Giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK ngày 01/02/2016;
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK ngày 30/01/2018;
- Giấy phép điều chỉnh số 94/GPĐC-UBCK ngày 09/11/2018;
- Giấy phép điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 05/03/2019;
- Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 25/03/2019;
- Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 10/02/2020;
- Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-UBCK ngày 15/04/2021;
- Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 02/06/2021.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 155.000.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu và các cổ đông lớn của Công ty như sau:

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Ông Huỳnh Đăng Khoa	-	0,00%	106.000.000.000	68,39%
Ông Lê Minh Quang	-	0,00%	41.300.000.000	26,65%
Bà Nguyễn Thùy Nga	15.190.000.000	9,80%	-	0,00%
Ông Đặng Khắc Nhật Minh	15.159.000.000	9,78%	-	0,00%
Bà Đặng Thu Hương	13.950.000.000	9,00%	-	0,00%
Công ty Công ty cổ phần UNIBEN	34.875.000.000	22,50%	-	0,00%
Các cổ đông khác	75.826.000.000	48,92%	7.700.000.000	4,97%
Cộng	**155.000.000.000**	**100%**	**155.000.000.000**	**100%**

Điều lệ của Công ty: Điều lệ ban hành mới nhất của Công ty có hiệu lực từ ngày 26/04/2021.

Địa chỉ liên hệ của Công ty:

Trụ sở chính: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đặc điểm hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2021 là 24 người (tại ngày 31/12/2020 là 19 người).

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định, có kỳ đáo hạn cố định mà CTCK có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ: Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được CTCK xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL); Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được CTCK xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định giá trị ban đầu theo giá trị cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua hoặc phát hành các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay, Công ty sẽ ghi nhận khoản dự phòng về suy giảm giá trị khoản cho vay vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý. Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lãi (lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động riêng của Công ty.

Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Phản ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình, Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
TSCĐ hữu hình - Máy móc, thiết bị	03 - 10
TSCĐ vô hình - Phần mềm máy tính	05 - 10
TSCĐ vô hình - Bản quyền phần mềm	10

Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Doanh thu hoạt động

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần: Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Và thu nhập từ một số hoạt động khác.*

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- *Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.*
- *Chi phí các dịch vụ khác.*

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty Chứng khoán	122.920.263.551	533.883.581
Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	829.500	972.500
Cộng	**122.921.093.051**	**1.534.856.081**

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán		
- Cổ phiếu	15.695.600	324.868.675.000
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	62.895.265	1.535.561.586.100

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	**4.252.590**	**12.633.200**	**4.252.590**	**7.212.200**
ACB	1.458.060	8.521.500	1.458.060	5.504.400
DMC	664.900	577.500	664.900	653.400
HAS	66.700	83.300	66.700	56.700
NAV	84.000	144.000	84.000	112.800
PET	367.200	365.500	367.200	161.500
PVX	866.670	280.000	866.670	72.000
RIC	61.200	37.800	61.200	10.000
STB	143.200	126.000	143.200	67.600
VC2	411.800	2.340.000	411.800	378.000
VCB	128.860	157.600	128.860	195.800
Cộng	**4.252.590**	**12.633.200**	**4.252.590**	**7.212.200**

7.2 Các khoản cho vay

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho vay margin	14.082.225.235	14.082.225.235	-	-	-	-
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	127.156.576	127.156.576	-	-	-	-
Cộng	**14.209.381.811**	**14.209.381.811**	**-**	**-**	**-**	**-**

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	**11.005.000.000**	**2.500.000.000**
Phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh tại T+0	8.505.000.000	-
Ông Lê Mười (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	**259.609.483**	**1.293.627.142**
Phải thu tiền lãi tiền gửi ngân hàng	-	1.293.627.142
Phải thu tiền lãi cho vay ứng trước tiền bán	259.609.483	-
Cộng	**11.264.609.483**	**3.793.627.142**

(*) Khoản phải thu còn lại của Ông Lê Mười theo hợp đồng chuyển nhượng 1.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkspy ngày 24/12/2012, thời hạn thanh toán chậm nhất là 31/08/2014. Do khoản nợ phải thu nói trên đã quá hạn nhiều năm không có khả năng thu hồi, công ty đã trích lập dự phòng với tỷ lệ 100% cho khoản phải thu này. Chi tiết xem tại thuyết minh số 11.

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần In Thanh niên (*)	-	9.195.577.688
Công ty TNHH Giải pháp ứng dụng tài chính Việt Nam	100.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.469.500	1.600.000
Cộng	**101.469.500**	**9.197.177.688**

(*) Khoản tạm ứng tiền thuê văn phòng theo hợp đồng cho thuê mặt bằng ngày 02/01/2020 với Công ty Cổ phần In Thanh Niên. Thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01/01/2020. Theo hợp đồng, Công ty tạm ứng cho Công ty Cổ phần In Thanh Niên số tiền 11 tỷ đồng, tiền tạm ứng được cấn trừ dần vào tiền thuê văn phòng phải trả hàng tháng. Công ty Cổ phần In Thanh Niên đã hoàn trả lại tiền tạm ứng cho Công ty theo Phụ lục hợp đồng số 04 ngày 28/12/2021, theo đó, tiền thuê văn phòng hàng tháng sẽ được Công ty thanh toán trước cho Công ty Cổ phần In Thanh Niên từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng phát sinh tiền thuê.

10. PHẢI THU CÁC DỊCH VỤ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CUNG CẤP

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	**7.170.727**	**410.430**
Phải thu hoạt động tư vấn chứng khoán	-	**4.000.000.000**
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Bao Bì Thành Công	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Hàm Luông	-	2.000.000.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	**8.026.635**	**4.657.658**
Cộng	**15.197.362**	**4.005.068.088**

11. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi	Thời gian quá hạn	Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2021	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng cuối năm
		VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính		**2.500.000.000**	**2.500.000.000**	**-**	**-**	**2.500.000.000**
Ông Lê Mười	Trên 3 năm	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
Cộng		**2.500.000.000**	**2.500.000.000**	**-**	**-**	**2.500.000.000**

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	**114.644.329**	**94.671.427**
Chi phí dụng cụ, thiết bị quản lý	13.277.663	94.671.427
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	101.366.666	-
Chi phí trả trước dài hạn	**945.497.061**	**1.818.504.307**
Chi phí dụng cụ, thiết bị quản lý	852.278.160	1.028.560.909
Chi phí sửa chữa văn phòng	81.530.007	541.221.166
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.688.894	248.722.232
Cộng	**1.060.141.390**	**1.913.175.734**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2021	**6.759.728.200**	**6.759.728.200**
Tại ngày 31/12/2021	**6.759.728.200**	**6.759.728.200**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2021	**2.317.665.048**	**2.317.665.048**
Khấu hao trong năm	679.426.308	679.426.308
Tại ngày 31/12/2021	**2.997.091.356**	**2.997.091.356**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2021	**4.442.063.152**	**4.442.063.152**
Tại ngày 31/12/2021	**3.762.636.844**	**3.762.636.844**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	*1.335.327.900*	*1.335.327.900*

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2021	**10.669.830.663**	**2.200.000.000**	**12.869.830.663**
Tại ngày 31/12/2021	**10.669.830.663**	**2.200.000.000**	**12.869.830.663**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2021	**5.587.328.987**	**256.666.662**	**5.843.995.649**
Khấu hao trong năm	599.098.334	219.999.996	819.098.330
Tại ngày 31/12/2021	**6.186.427.321**	**476.666.658**	**6.663.093.979**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2021	**5.082.501.676**	**1.943.333.338**	**7.025.835.014**
Tại ngày 31/12/2021	**4.483.403.342**	**1.723.333.342**	**6.206.736.684**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng	*4.973.530.663*	-	*4.973.530.663*

15. KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	210.000.000	210.000.000
Cộng	**210.000.000**	**210.000.000**

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	1.021.055.215	1.021.055.215
Tiền lãi phân bổ hàng năm	120.104.160	-
Cộng	**1.261.159.375**	**1.141.055.215**

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	127.271.872	35.945.811
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	23.183.712	12.392.805
Cộng	**150.455.584**	**48.338.616**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.866.572.645	-	3.866.572.645
Thuế thu nhập cá nhân	51.117.965	906.342.973	507.478.480	449.982.458
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**51.117.965**	**4.775.915.618**	**510.478.480**	**4.316.555.103**
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	*51.117.965*			*4.316.555.103*
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-			-

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	50.000.000	50.000.000
Chi phí phải trả khác	29.617.000	18.257.000
Cộng	**79.617.000**	**68.257.000**

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2020	**155.000.000.000**	**(18.598.633.556)**	**136.401.366.444**
Lỗ trong năm	-	(5.383.926.005)	(5.383.926.005)
Tại ngày 01/01/2021	**155.000.000.000**	**(23.982.559.561)**	**131.017.440.439**
Lãi trong năm	-	22.625.009.974	22.625.009.974
Tại ngày 31/12/2021	**155.000.000.000**	**(1.357.549.587)**	**153.642.450.413**

21. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

21.1. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhà đầu tư chứng khoán	**6.515.685.520**	**6.515.685.520**
Phải thu hoạt động tư vấn	**301.500.000**	**301.500.000**
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	301.500.000	301.500.000
Trả trước cho người bán	**85.331.654**	**85.331.654**
Công ty TNHH Innet	66.631.654	66.631.654
Công ty Cổ phần mạng Hoa Sen	18.700.000	18.700.000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng tại 15 Pasteur	**33.806.148**	**-**
Cộng	**6.936.323.322**	**6.902.517.174**

21.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	3.650.000	3.160.000
Cộng	**3.650.000**	**3.160.000**

21.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	317.139.150.000	103.047.600.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượi	64.107.470.000	63.000.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	336.924.550.000	313.414.550.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10.000.000.000	10.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.461.000.000	136.600.000
Cộng	**729.632.170.000**	**426.661.750.000**

21.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	1.166.950.000	2.390.800.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	-	6.359.450.000
Cộng	**1.166.950.000**	**8.750.250.000**

21.5. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	40.769.216.719	6.988.672.204
Cộng	**40.769.216.719**	**6.988.672.204**

21.6. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	35.869.348.402	2.418.828.099
Của Nhà đầu tư nước ngoài	4.899.868.317	4.569.844.105
Cộng	**40.769.216.719**	**6.988.672.204**

22. LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Số lượng	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm nay	Lãi/lỗ bán chứng khoán năm trước
				VND	VND	VND	VND
A	**Lãi bán các tài sản tài chính**			**215.069.950.000**	**182.213.283.030**	**32.856.666.970**	**-**
1	**Cổ phiếu niêm yết**			**164.069.950.000**	**144.213.283.030**	**19.856.666.970**	**-**
	ACB	79.000	34.756	2.745.740.000	2.650.823.999	94.916.001	-
	AGG	10.000	48.200	482.000.000	469.600.000	12.400.000	-
	DXG	20.000	29.423	588.450.000	443.750.000	144.700.000	-
	FPT	15.000	98.355	1.475.320.000	1.427.123.333	48.196.667	-
	GEG	1.920.000	21.975	42.192.000.000	36.768.000.000	5.424.000.000	-
	HAH	7.000	73.450	514.150.000	483.900.000	30.250.000	-
	REE	9.000	62.477	562.290.000	504.100.000	58.190.000	-
	SBT	1.340.000	26.112	34.990.000.000	30.597.000.000	4.393.000.000	-
	SCR	1.890.000	23.856	45.087.500.000	37.678.000.000	7.409.500.000	-
	SZC	25.000	60.300	1.507.500.000	1.384.945.000	122.555.000	-
	VNG	2.340.000	14.272	33.396.250.000	31.282.790.698	2.113.459.302	-
	AAA	30.000	17.625	528.750.000	523.250.000	5.500.000	-
2	**Khác**			**51.000.000.000**	**38.000.000.000**	**13.000.000.000**	**-**
	Cổ phần Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	1.000.000	25.000	25.000.000.000	19.000.000.000	6.000.000.000	-
	Cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Đakai	400.000	65.000	26.000.000.000	19.000.000.000	7.000.000.000	-
B	**Lỗ bán các tài sản tài chính**			**19.627.195.000**	**20.205.246.969**	**(578.051.969)**	**-**
1	**Cổ phiếu niêm yết**			**19.627.195.000**	**20.205.246.969**	**(578.051.969)**	**-**
	ACB	61.000	34.214	2.087.025.000	2.152.236.000	(65.211.000)	-
	FPT	16.800	94.579	1.588.920.000	1.618.806.667	(29.886.667)	-
	HPG	35.000	49.150	1.720.250.000	1.995.000.000	(274.750.000)	-
	QNS	10.000	49.800	498.000.000	519.950.000	(21.950.000)	-
	SZC	10.000	59.500	595.000.000	599.945.000	(4.945.000)	-
	TCB	30.000	50.483	1.514.500.000	1.577.700.000	(63.200.000)	-
	VNG	810.000	14.350	11.623.500.000	11.741.609.302	(118.109.302)	-
	Cộng			**234.697.145.000**	**202.418.529.999**	**32.278.615.001**	**-**

23. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

STT	Nội dung	Tại ngày 31/12/2021						Tại ngày 01/01/2021						Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này
		Số lượng	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	Số lượng	Giá mua	Giá trị thị trường	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại	
					Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm					Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
A	**Tài sản tài chính thông qua lãi lỗ (PVTPL)**	**365**	**4.252.590**	**12.633.200**	**9.096.980**	**716.370**	**12.633.200**	**316**	**4.252.590**	**7.212.200**	**4.142.080**	**1.182.470**	**7.212.200**	**5.421.000**
I	**Cổ phiếu niêm yết**	**365**	**4.252.590**	**12.633.200**	**9.096.980**	**716.370**	**12.633.200**	**316**	**4.252.590**	**7.212.200**	**4.142.080**	**1.182.470**	**7.212.200**	**5.421.000**
1.1	ACB	247	1.458.060	8.521.500	7.063.440	-	8.521.500	198	1.458.060	5.504.400	4.046.340	-	5.504.400	3.017.100
1.2	DMC	11	664.900	577.500	-	87.400	577.500	11	664.900	653.400	-	11.500	653.400	(75.900)
1.3	HAS	7	66.700	83.300	16.600	-	83.300	7	66.700	56.700	-	10.000	56.700	26.600
1.4	NAV	6	84.000	144.000	60.000	-	144.000	6	84.000	112.800	28.800	-	112.800	31.200
1.5	PET	10	367.200	365.500	-	1.700	365.500	10	367.200	161.500	-	205.700	161.500	204.000
1.6	PVX	40	866.670	280.000	-	586.670	280.000	40	866.670	72.000	-	794.670	72.000	208.000
1.7	RIC	2	61.200	37.800	-	23.400	37.800	2	61.200	10.000	-	51.200	10.000	27.800
1.8	STB	4	143.200	126.000	-	17.200	126.000	4	143.200	67.600	-	75.600	67.600	58.400
1.9	VC2	36	411.800	2.340.000	1.928.200	-	2.340.000	36	411.800	378.000	-	33.800	378.000	1.962.000
1.10	VCB	2	128.860	157.600	28.740	-	157.600	2	128.860	195.800	66.940	-	195.800	(38.200)
		365	**4.252.590**	**12.633.200**	**9.096.980**	**716.370**	**12.633.200**	**316**	**4.252.590**	**7.212.200**	**4.142.080**	**1.182.470**	**7.212.200**	**5.421.000**

24. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH, CÁC KHOẢN CHO VAY

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL	99.400	92.500
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	*99.400*	*92.500*
Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.901.322.748	6.338.218.254
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	*3.901.322.748*	*6.338.218.254*
Thu nhập từ các khoản cho vay và phải thu	1.462.153.726	-
- Tiền lãi cho vay Margin	*1.441.686.832*	-
- Tiền lãi ứng trước tiền bán chứng khoán	*20.466.894*	-
Cộng	**5.363.575.874**	**6.338.310.754**

25. DOANH THU MÔI GIỚI, BẢO LÃNH, TƯ VẤN VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.187.761.089	736.682.784
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	186.940.302	156.727.528
Thu nhập hoạt động khác	26.235.655	42.586.740
Cộng	**2.400.937.046**	**935.997.052**

26. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI, LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN VÀ DỊCH VỤ KHÁC

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	**150.982.992**	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	**3.285.279.987**	**1.375.893.252**
Chi phí tiền lương (*)	1.143.537.042	302.571.227
Các khoản trích theo lương (*)	123.983.500	37.083.000
Chi phí khấu hao TSCĐ (*)	558.000.000	279.000.000
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	493.796.479	131.235.727
Chi phí khác (*)	965.962.966	626.003.298
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	**1.732.500**
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	**199.099.843**	**1.115.150.770**
Phí lưu ký phải trả Sở giao dịch chứng khoán	199.099.843	171.369.624
Chi phí tiền lương (*)	-	456.023.292
Các khoản trích theo lương (*)	-	53.603.500
Chi phí khấu hao TSCĐ (*)	-	279.000.000
Chi phí khác (*)	-	155.154.354
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	-	**20.000.000**
Cộng	**3.635.362.822**	**2.512.776.522**

(*) Một số khoản mục chi phí năm 2021 có biến động mạnh so với số liệu so sánh năm 2020 do Công ty đã thay đổi nguyên tắc/tiêu thức phân bổ chi phí vào các khoản mục chi phí khác nhau để đáp ứng yêu cầu thực tế hoạt động của Công ty trong năm 2021. Việc thay đổi nguyên tắc phân bổ chi phí không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty năm 2021 cũng như số liệu so sánh cùng kỳ năm trước.

27. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	230.348.525	98.253.540
Cộng	**230.348.525**	**98.253.540**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.955.025.306	4.788.497.087
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	277.085.768	325.738.068
Chi phí khấu hao TSCĐ	947.162.264	979.192.874
Thuế, phí và lệ phí	34.000.000	5.104.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.543.329.961	3.908.898.054
Chi phí khác	253.410.439	239.938.181
Cộng	**10.010.013.738**	**10.247.368.264**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**26.491.582.619**	**(5.383.926.005)**
Các khoản điều chỉnh:	**238.915.425**	**207.990.558**
Trừ:	(5.054.300)	(4.384.420)
- Thu nhập từ cổ tức	(99.400)	(92.500)
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	(4.954.900)	(4.291.920)
Cộng:	243.969.725	212.374.978
- Chi phí không được trừ	243.503.625	209.821.618
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	466.100	2.553.360
Thu nhập chịu thuế	**26.730.498.044**	-
Lỗ được chuyển	(7.397.634.818)	
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**3.866.572.645**	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	22.625.009.974	(5.383.926.005)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	22.625.009.974	(5.383.926.005)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.500.000	15.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.460**	**(347)**

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 tại một số thuyết minh ở phần trên.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận quản trị rủi ro thực hiện.

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ngoài ra, hoạt động của Công ty chịu một số rủi ro đặc thù riêng như: Rủi ro pháp lý và rủi ro truyền thông. Chi tiết một số rủi ro chính của Công ty như sau:

Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác. Một số biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro như sau:

- Thường xuyên xây dựng, rà soát, cập nhật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống quy trình nghiệp vụ.
- Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp; hệ thống dự phòng kỹ thuật, dữ liệu cho một số bộ phận nghiệp vụ.
- Thường xuyên đào tạo, tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, đạo đức hành nghề cho cán bộ nhân viên.
- Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn vốn cần thiết đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.

Biện pháp quản trị rủi ro thị trường của Công ty:

- Thường xuyên phân tích, theo dõi, cảnh báo tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô, ngành và liên quan tới lĩnh vực chứng khoán.
- Đánh giá, kiểm soát chặt chẽ diễn biến của thị trường chứng khoán; diễn biến về giá của các tài sản tự doanh, tài sản nhận bảo đảm.
- Xây dựng danh mục chứng khoán ký quỹ và tỷ lệ ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật, với thị trường trong từng thời điểm.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính, bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Biện pháp quản trị rủi ro tín dụng của Công ty:

- Xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu đối tác, khách hàng không thực hiện đúng cam kết thanh toán đúng hạn.
- Phân tích, đánh giá chính xác, theo dõi, cảnh báo sớm đối với loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm của khách hàng, đối tác.

- Xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các giao dịch với các đối tác và khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của đối tác, khách hàng.
- Thường xuyên theo dõi, đảm bảo khách hàng, đối tác luôn thanh toán theo tiến độ hợp đồng để giảm thiểu rủi ro khó thu tiền của khách hàng.
- Cảnh báo sớm nếu có dấu hiệu khó thu hồi.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro này phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Biện pháp quản trị rủi ro thanh khoản của Công ty:

- Dự trữ nguồn tiền mặt cần thiết đảm bảo khả năng thanh khoản của Công ty.
- Duy trì, đa dạng hóa đối tác cho Công ty vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý.
- Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, quản lý dòng tiền toàn công ty, theo dõi trạng thái thanh khoản, cảnh báo sớm nếu có sự thiếu hụt thanh khoản trong tương lai.
- Luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ cao giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn.
- Thường xuyên rà soát danh mục tài sản, danh mục đầu tư.
- Đa dạng hóa danh mục tài sản và công nợ theo hướng tăng tính thanh khoản. Trong trường hợp đặc biệt, Công ty có thể chuyển nhượng, bán... được tài sản của mình để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Rủi ro pháp lý

Rủi ro pháp lý là rủi ro Công ty không tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh dẫn tới việc thực hiện sai và có thể xảy ra tranh chấp, kiện tụng; hoặc việc bị hủy bỏ hợp đồng do hợp đồng bất hợp pháp, vượt quá quyền hạn, thiếu sót các điều khoản hoặc chưa hoàn thiện các tiêu chuẩn, ...

Biện pháp quản trị rủi ro pháp lý của Công ty:

- Thường xuyên cập nhật các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
- Thường xuyên theo dõi quá trình dự thảo các văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động của Công ty.
- Tổ chức đào tạo nội bộ hoặc cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan tới những vấn đề pháp lý.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ nội bộ; bộ phận Pháp chế hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý.
- Xây dựng, cập nhật các Quy chế, quy trình, Hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của Công ty.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, phân chia trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng.
- Thuê chuyên gia pháp lý, đơn vị tư vấn pháp lý để thực hiện một số vụ việc phức tạp (nếu cần).

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc			
Họ và tên	**Chức vụ**		
Ông Lê Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Tấn Phát	Ủy viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Trần Quế Trang	Ủy viên HĐQT	985.450.000	595.871.304
Ông Tiền Vĩ Diệp	Tổng giám đốc	541.604.347	412.391.304
Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Phó Tổng giám đốc	871.945.652	796.956.522

33. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH COVID 19 ĐẾN VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Dịch viêm đường hô hấp Covid -19 bắt đầu từ cuối năm 2019 tại Vũ Hán - Trung Quốc, xuất hiện đầu năm 2020 đến nay vẫn chưa được khống chế đã ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả hoạt động của xã hội. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiếp tục theo dõi biến động của thị trường chứng khoán, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp trong thời gian tới. Không có bất kỳ điều chỉnh nào đến số liệu báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 26/01/2022, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã ban hành Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ thông qua một số nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty trong thời gian tới như sau:

- Thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Công ty từ 155 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng, bao gồm các nội dung: Phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành;
- Thông qua việc bổ sung hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán phái sinh sau khi đáp ứng đủ điều kiện thực hiện theo quy định của pháp luật;
- Thông qua việc đổi tên (tên riêng) của công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn và thực hiện các thủ tục cần thiết với cơ quan pháp luật;
- Thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty, thay đổi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty;
- Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai các nội dung đã được thông qua nêu trên trong thời gian tới.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán

TP Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Ân	Hồ Thị Kiều	Tiền Vĩ Diệp